

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDC

TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG 2 HỌC KỲ 2

MÃ HỌC PHẦN : PHY - 102 **TÍN CHỈ** **1**

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	152220373	ĐÀO THIÊN	KHÁNH	T16XDC	10				2				2	0.0	Khăng		
2	152221972	NGUYỄN XUÂN	THỌ	T16XDC	0				0				HP	0.0	Khăng		
3	168212005	LÊ Y	HỌC	T16XDC	10				7				5	6.5	Sầu pháp Nàm		
4	168212048	ĐẶNG XUÂN	THU	T16XDC	10				6				4	5.7	Nàm pháp Baý		
5	168222063	NGUYỄN ĐÔNG	ANH	T16XDC	10				6				8	7.9	Baý pháp Chên		
6	168222064	TRẦN VĂN	ANH	T16XDC	10				6				5	6.3	Sầu pháp Ba		
7	168222066	HỒ TRẦN ANH	BẢO	T16XDC	10				6				5	6.3	Sầu pháp Ba		
8	168222067	NGUYỄN PHÚ	CHÂU	T16XDC	10				2				5	5.3	Nàm pháp Ba		
9	168222068	BÙI ĐỨC	CHU	T16XDC	10				5				4	5.5	Nàm pháp Nàm		
10	168222070	PHAN ĐÌNH	CÔNG	T16XDC	10				2				5	5.3	Nàm pháp Ba		
11	168222072	LÊ PHƯỚC	ĐẠT	T16XDC	10				6.5				2	0.0	Khăng		
12	168222073	TRẦN ĐÌNH	ĐỨC	T16XDC	10				7				7	7.6	Baý pháp Sầu		
13	168222074	TRẦN CÔNG	ĐỨC	T16XDC	10				7				7	7.6	Baý pháp Sầu		
14	168222075	TRẦN XUÂN	ĐỨC	T16XDC	10				6.5				5	6.4	Sầu pháp Bấu		
15	168222076	TRẦN NHẬT	GIANG	T16XDC	10				6				7	7.4	Baý pháp Bấu		
16	168222079	BÙI HỮU NHẬT	HẠNH	T16XDC	10				2				6	5.8	Nàm pháp Tañ		
17	168222080	MAI VĂN	HIỆU	T16XDC	10				3				5	5.5	Nàm pháp Nàm		
18	168222081	NGUYỄN VĂN	HÒA	T16XDC	10				5				4	5.5	Nàm pháp Nàm		
19	168222082	NGUYỄN CẢNH	HOÀN	T16XDC	10				6.5				4	5.8	Nàm pháp Tañ		
20	168222083	NGUYỄN HỮU	HÙNG	T16XDC	0				0				HP	0.0	Khăng		
21	168222084	LÊ MINH	HÙNG	T16XDC	7				6				6	6.2	Sầu pháp Hai		
22	168222085	NGUYỄN THANH	KHA	T16XDC	10				6.5				5	6.4	Sầu pháp Bấu		
23	168222086	NGUYỄN HOÀN	KHIÊM	T16XDC	0				0				HP	0.0	Khăng		
24	168222087	TRẦN ĐĂNG	KHOA	T16XDC	10				7.5				7	7.7	Baý pháp Baý		
25	168222088	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	T16XDC	10				6.5				5	6.4	Sầu pháp Bấu		
26	168222089	MAI HUỲNH TÂN	LÂM	T16XDC	10				7				6	7.1	Baý pháp Mấu		
27	168222090	NGUYỄN QUANG	LIÊN	T16XDC	7				5				4	4.9	Bấu pháp Chên		
28	168222092	THÁI BÁ	LINH	T16XDC	10				6				4.5	6.0	Sầu		
29	168222093	MAI LÊ THỂ	LỘC	T16XDC	0				0				HP	0.0	Khăng		
30	168222094	NGUYỄN VĂN	LONG	T16XDC	0				0				HP	0.0	Khăng		
31	168222095	LÊ QUANG	LONG	T16XDC	0				0				HP	0.0	Khăng		
32	168222096	THÁI VĂN	LƯỢNG	T16XDC	7				4				4	4.6	Bấu pháp Sầu		
33	168222097	VŨ VĂN	MẮN	T16XDC	7				6.5				5	5.8	Nàm pháp Tañ		
34	168222098	NGUYỄN VĨNH	NAM	T16XDC	10				6				6.5	7.1	Baý pháp Mấu		
35	168222099	DƯƠNG XUÂN	NGHIÊM	T16XDC	7				6.5				4	5.2	Nàm pháp Hai		
36	168222102	LÊ ĐỨC	PHÚ	T16XDC	10				6				4	5.7	Nàm pháp Baý		
37	168222103	TRẦN ĐÌNH	QUANG	T16XDC	0				0				HP	0.0	Khăng		
38	168222104	NGUYỄN VĂN	SANG	T16XDC	0				0				HP	0.0	Khăng		
39	168222105	NGUYỄN ĐĂNG	SINH	T16XDC	10				7				6	7.1	Baý pháp Mấu		
40	168222107	TRẦN ĐÌNH	SƠN	T16XDC	10				7				7	7.6	Baý pháp Sầu		

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20				25				55	100			
41	168222108	LÊ SỰ	T16XDC	10				7				6	7.1	Baý pháp Mắti		
42	168222109	TRẦN QUỐC SỸ	T16XDC	10				5				6.5	6.8	Saũ pháp Tầm		
43	168222110	ĐÌNH XUÂN TÂM	T16XDC	7				5				4	4.9	Bấứ pháp Chên		
44	168222111	PHẠM HỮU THÀNH	T16XDC	10				6.5				4	5.8	Nằm pháp Tầm		
45	168222112	TRẦN HỮU THÀNH	T16XDC	0				0				HP	0.0	Khăng		
46	168222115	HOÀNG THỊ THU THỦY	T16XDC	0				0				HP	0.0	Khăng		
47	168222116	NGUYỄN HOÀNG THUYỀN	T16XDC	10				5				4	5.5	Nằm pháp Nằm		
48	168222117	NGUYỄN VĂN TIỀN	T16XDC	7				6				4	5.1	Nằm pháp Mắti		
49	168222119	NGUYỄN QUANG TRUNG	T16XDC	0				0				V	0.0	Khăng		
50	168222121	NGUYỄN TÂN TRƯỜNG	T16XDC	10				6				6	6.8	Saũ pháp Tầm		
51	168222122	TRẦN ĐÌNH TRƯỜNG	T16XDC	10				6.5				6	6.9	Saũ pháp Chên		
52	168222123	ĐOÀN ĐÌNH TỰ	T16XDC	10				7				6	7.1	Baý pháp Mắti		
53	168222124	MAI PHƯỚC TỰ	T16XDC	10				6.5				7	7.5	Baý pháp Nằm		
54	168222126	NGUYỄN VĂN TUÂN	T16XDC	10				6.5				5	6.4	Saũ pháp Bấứ		
55	168222127	TRẦN TRỌNG TƯỜNG	T16XDC	10				7				5	6.5	Saũ pháp Nằm		
56	168222128	HỒ PHƯỚC VIỆT	T16XDC	10				6.5				4	5.8	Nằm pháp Tầm		
57	168222131	LÊ CÔNG VŨ	T16XDC	10				5				5	6.0	Saũ		
58	168222132	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	T16XDC	3.5				4				5	4.5	Bấứ pháp Nằm		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	45	78%	
2	Số sinh viên nợ	13	22%	
TỔNG CỘNG :		58	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú